

Bản án số: **71/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-9-2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Ông Hà Minh Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 237/2022/TB-TĐTG ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị S, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1982 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Trần T, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp RL, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đinh Thị S trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Trần T chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TA cấp giấy chứng nhận kết hôn. Chị và anh Trần T có 02 người con chung tên: Trần P, sinh ngày 16/8/2002 và Trần Th, sinh ngày

24/5/2009 hiện con đang chung sống với anh Trần T; về tài sản chung, chị và anh Trần T không có và không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết; về nợ, chị và anh Trần T không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Trần T hay có ghen tuông vô cớ, đánh đập chị nhiều lần, đến ngày 20/6/2022 tiếp tục đánh đập chị bị thương tích và chị có báo chính quyền địa phương làm việc với anh Trần T, chị và anh Trần T sống ly thân cho đến nay. Chị thấy chị và anh Trần T không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị giao người con chung tên Trần Th, sinh ngày 24/5/2009 cho anh Trần T tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con và chị không cấp dưỡng nuôi con, còn người con chung tên Trần P hiện nay đã thành niên, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị không yêu cầu giải quyết.

*\* Tại văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần T trình bày như sau:*

Về thời gian chung sống, kết hôn, con chung như chị Đinh Thị S trình bày trên là đúng. Anh và chị Đinh Thị S chung sống, kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TA cấp giấy chứng nhận kết hôn, anh và chị Đinh Thị S chung sống anh có ghen tuông vô cớ, đánh đập chị Đinh Thị S nhiều lần, đến ngày 20/6/2022 đã được chính quyền địa phương mời anh về làm việc, anh thấy rất ăn năn hối hận, cam kết không tái lại nữa nay anh yêu cầu chị Đinh Thị S về chung sống nuôi dạy các con. Trong thời gian chung sống anh và chị Đinh Thị S có 02 người con chung tên: Trần P, sinh ngày 16/8/2002 và Trần Th, sinh ngày 24/5/2009 hiện con đang chung sống với anh; về tài sản chung và nợ, anh và chị Đinh Thị S không có tài sản chung, anh và chị Đinh Thị S không có nợ người khác, người khác không nợ chúng tôi.

Nay về quan hệ hôn nhân, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đinh Thị S, nếu theo quy định pháp luật cho chị Đinh Thị S khi ly hôn với anh thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Trần Th, sinh ngày 24/5/2009 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con và anh không yêu cầu chị Đinh Thị S không cấp dưỡng nuôi con, còn người con chung tên Trần P hiện nay đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung anh tự thỏa thuận không có tranh chấp, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ, không có, anh không yêu cầu giải quyết.

*\* Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 22/7/2022 của Trần Th trình bày:*

Trần Th con của anh Trần T và chị Đinh Thị S, hiện nay Trần Th đang chung sống với cha là anh Trần T, địa chỉ: ấp RL, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên

Giang. Nếu cha mẹ của Trần Th ly hôn thì Trần Th có nguyện vọng chung sống với cha là anh Trần T.

*\* Tại các biên bản xác minh ngày 11/7/2022, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Trần T và chị Đinh Thị S, cư trú tại ấp RL, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trần T ghen tuông, có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Đinh Thị S nên gia đình sống không hạnh phúc và đã ly thân với nhau.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng nhận kết hôn chị Đinh Thị S và Trần T; Căn cước công dân chị Đinh Thị S và sổ hộ khẩu; Giấy khai sinh Trần P và Trần Th; Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 23/6/2022 của chị Đinh Thị S; Biên bản xác minh ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AB; Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Trần Th.

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Đinh Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Trần T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị đồng ý giao người con chung tên Trần Th, sinh ngày 24/5/2009 cho anh Trần T tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con, chị không cấp dưỡng nuôi con, còn người con chung tên Trần P nay đã thành niên, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Trần T không có tranh chấp và chị cam kết, chị và anh Trần T không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Đinh Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Trần T và nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị

Hội đồng xét xử cho chị Đinh Thị S được ly hôn với anh Trần T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn giao người con chung của anh chị tên Trần Th, sinh ngày 24/5/2009 cho anh Trần T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị, còn Trần P đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trần T không yêu cầu chị Đinh Thị S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Đinh Thị S và anh Trần T tự xác định và cam kết không có tranh chấp và không có nợ, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đinh Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Trần T và tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại ấp RL, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trần T nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai chị Đinh Thị S không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Đinh Thị S và anh Trần T chung sống với nhau và đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là nơi một trong các bên của anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01 ngày 01 tháng 9 năm 2004, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Đinh Thị S được ly hôn với anh Trần T, thời gian chung sống với anh Trần T thì anh Trần T hay có ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh đập chị, đến ngày 20/6/2022 tiếp tục đánh đập chị bị thương tích, chính quyền địa phương làm việc với anh Trần T và chị sống ly thân với anh Trần T cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Trần T không còn tình cảm vợ chồng nên chị

yêu cầu được ly hôn với anh Trần T, nhưng anh Trần T yêu cầu chị Đinh Thị S về đoàn tụ về nuôi dạy con chung, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đinh Thị S. Hội đồng xét xử thấy rằng, trình bày và yêu cầu của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Đinh Thị S và anh Trần T chung sống với nhau phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã ly thân với nhau do anh Trần T ghe tuông vô cớ và đánh đập chị Đinh Thị S nhiều lần, đến ngày 20/6/2022 anh Trần T tiếp tục đánh đập chị Đinh Thị S bị thương tích, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh chị không còn lo lắng và chăm sóc lẫn nhau một thời gian dài, mặc dù anh Trần T tha thiết yêu cầu chị Đinh Thị S về đoàn tụ nhưng chị Đinh Thị S cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trần T nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không tự nguyện và anh chị có mâu thuẫn bạo lực gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị S, cho chị Đinh Thị S được ly hôn với anh Trần T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Đinh Thị S và anh Trần T tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Trần P, sinh ngày 16/8/2002 và Trần Th, sinh ngày 24/5/2009 hiện nay đang sống chung với anh Trần T. Khi ly hôn chị Đinh Thị S giao người con chung tên Trần Th cho anh Trần T được tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Đồng thời con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay sống chung với anh Trần T, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại và Trần Th có ý kiến nguyện vọng chung sống với cha. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sự tự nguyện của chị Đinh Thị S và nguyện vọng của Trần Th con anh chị, giao con chung của anh chị tên: Trần Th cho anh Trần T tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Trần Th, còn người con chung tên Trần P, sinh ngày 16/8/2002 nay đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trần T không yêu cầu chị Đinh Thị S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Đinh Thị S và anh Trần T tự xác định, anh chị không có tranh chấp và anh chị cam kết không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu

nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị S được ly hôn với anh Trần T.
2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên: Trần Th, sinh ngày 24/5/2009 cho anh Trần T tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị và hiện nay đang chung sống với anh Trần T, còn người con chung của anh chị tên Trần P đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần T không yêu cầu chị Đinh Thị S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Đinh Thị S và anh Trần T tự xác định, anh chị không có tranh chấp và anh chị cam kết không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Đinh Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004875 ngày 08 tháng 7 năm 2022 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Chị Đinh Thị S đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 29/9/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AB;
- Chi cục THADS huyện AB;
- UBND xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thảo**